TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HS-PT
Ngày 09 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Danh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh;

Ông Nguyễn Xuân Trọng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 79/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1990 tại xã B, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Hà Thị E; có vợ là Phùng Thị Ê (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 97/2011/HS-PT ngày 29/8/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt T 01 năm 03 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/6/2012, đã được xóa án tích; hiện tại ngoại, "có mặt".

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Bà Văn Thị Thanh G – Luật sư Công ty Luật TNHH H.

Địa chỉ: Số X, phố X1, phường X2, thành phố X3, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

Trong vụ án còn có bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Nguyệt Y chưa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, nên Y có nhu cầu làm bằng tốt nghiệp trung học phổ thông giả để đi xin việc. Ngày 17/9/2022, Y sử dụng điện thoại di động của mình gọi cho bạn là Nguyễn Văn T, hỏi T có biết chỗ nào đặt làm cho Y 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông giả thì T đồng ý. T sử dụng điện thoại di động của mình vào mạng xã hội Facebook tìm kiếm các trang cá nhân làm các loại bằng, chứng chỉ giả thì được tài khoản Facebook có tên *"I- Bằng Cấp Nhanh"* liên hệ cho số điện thoại I1 để trao đổi qua mạng xã hội Zalo. Sau đó T kết bạn với tài khoản Zalo của số điện thoại trên có tên *"I",* T nhắn tin trao đổi đặt làm 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông giả với giá 1.500.000 đồng, người này yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân để làm bằng giả và hẹn khoảng 6 ngày sau sẽ có bằng, T và người này thống nhất sau khi nhận bằng thì thanh toán tiền. Sau đó, T gọi điện thông báo cho Y biết và Y đã cung cấp thông tin cá nhân của mình như họ tên, ngày, tháng, năm sinh, địa chỉ, tên trường Trung học phổ thông cho T, T lấy thông tin cá nhân của Y gửi cho người có tài khoản Zalo có tên *"I"*. Do không có số tài khoản ngân hàng, T mượn số tài khoản ngân hàng của chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1989 ở thôn L1, xã B, huyện A là hàng xóm của T và gửi số tài khoản ngân hàng cho Y và bảo Y chuyển tiền làm bằng trung học phổ thông giả. Ngày 19/9/2022, Y đưa cho bạn là Bùi Thị M, sinh năm 1998 ở thôn M1, xã M2, huyện M3 số tiền 1.500.000 đồng tiền mặt nhờ chuyển tiền vào số tài khoản của chị K mà T gửi. Sau đó chị M ra cửa hàng tạp hóa không rõ địa chỉ ở thành phố X3, Vĩnh Phúc và nhờ chủ quán tạp hóa chuyển khoản số tiền 1.500.000 đồng vào số tài khoản chị K. Y thông báo cho T việc đã chuyển tiền, T đi ra nhà chị K hỏi thì chị K kiểm tra tài khoản thấy có số tiền 1.500.000 đồng chuyển vào tài khoản thì chị K đưa tiền mặt cho T, không lấy phí gì. Đến ngày 23/9/2022, T nhận được điện thoại của anh Lê Trung L, sinh năm 1980 ở thôn C, xã B, huyện A (là nhân viên Bưu điện xã B) thông báo có bưu phẩm, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát T1 một mình đi đến bưu điện xã B thì anh L giao cho T 01 bưu phẩm bằng giấy bìa cát tông ghi thông tin người gửi là Trần Quang N, điện thoại N1, T bóc gói bưu phẩm ra kiểm tra thấy bên trong có 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Nguyễn Thị Nguyệt Y do T đặt làm trước đó, lúc này T dùng điện thoại chụp ảnh bằng tốt nghiệp trên rồi gửi ảnh qua tin nhắn điện thoại cho Y để kiểm tra thông tin thì Y nhắn tin xác nhận là đúng nên T thanh toán số tiền 1.500.000 đồng cho anh L rồi cầm gói bưu phẩm ra về. Khi T vừa ra đến cổng Bưu điện xã B thì bị Công an huyện A phát hiện, bắt giữ. Tang vật thu giữ: 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang số 1765364 cấp cho Nguyễn Thị Nguyệt Y ngày 20/9/2016 (niêm phong ký hiệu A1), 05 bản phô tô sao y bằng tốt nghiệp trên có chứng thực của Phòng tư pháp quận P, thành phố Hà Nội ngày 19/9/2022 (niêm phong ký hiệu A2 đến A6), 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu trắng và một số vật chứng khác. Cùng ngày, Công an huyện A tạm giữ của Y 01 điện thoại di động Iphone XS max màu vàng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện A đã tiến hành xác minh tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang xác định: "Căn cứ hồ sơ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia năm 2016 tỉnh Tuyên Quang, điểm thi trường THPT P1, huyện M3, tỉnh Tuyên Quang KHÔNG có tên của người học Nguyễn Thị Nguyệt Y sinh ngày 10/4/1998, có hộ khẩu thường trú tại thôn M1, xã Hào Phú, huyện M3, tỉnh Tuyên Quang trong danh sách dự thi. Năm 2016, Sở GDĐT tỉnh Tuyên Quang KHÔNG cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông nào mang số hiệu: 1765364; số vào sổ cấp bằng 09036575/2016 ngày 20/9/2016". Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang cung cấp Cơ quan điều tra mẫu dấu Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang và chữ ký ông Hoàng Văn Q phục vụ công tác giám định (ký hiệu M1 đến M5).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện A đã tiến hành xác minh tại Phòng tư pháp UBND quận P xác định: "Phòng tư pháp quận P, TP Hà Nội, ngày 19/9/2022 không chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông của Nguyễn Thị Nguyệt Y do Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 20/9/2016". Phòng tư pháp UBND quận P cung cấp CQĐT mẫu dấu Phòng tư pháp UBND quận P phục vụ công tác giám định (ký hiệu M6)

Tại Bản kết luận giám định số 3287/KLGĐ ngày 01/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

"+ Chữ ký Hoàng Văn Q dưới mục "Giám đốc" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp ký trực tiếp, so với chữ ký của ông Hoàng Văn Q trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn đỏ có nội dung "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - TỈNH TUYÊN QUANG - SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp đóng dấu trực tiếp, so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu tròn đỏ có nội dung "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - QUẬN P TP HÀ NỘI – PHÒNG TƯ PHÁP" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A2 đến A6 được tạo ra bằng phương pháp đóng dấu trực tiếp, so với hình dấu tròn trên mẫu so sánh ký hiệu M6 không phải do cùng một con dấu đóng ra."

Tại Bản kết luận giám định số 3247/KLGĐ ngày 28/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định: Khôi phục tin nhắn đi, tin nhắn đến trên ứng dụng tin nhắn thường, Zalo, Mesenger Facebook mẫu 01 ĐTDĐ Iphone XS Max của Y và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus của T. CQĐT xác định tại mục tin nhắn Facebook thể hiện tin nhắn giữa T với tài khoản Facebook *"I- Bằng Cấp Nhanh",* và tin nhắn SMS thể hiện T và Y liên quan việc trao đổi làm bằng tốt nghiệp trung học phổ thông giả.

Với hành vi nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Nguyệt Y phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 11 (Mười một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt Y 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 5 năm 2023 bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày bản bào chữa khẳng định cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại phiên tòa phúc thẩm đó là bị cáo đã nộp số tiền án phí theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng và gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính duy nhất nuôi bố mẹ già và hai con còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, tiếp tục lao động để chăm sóc bố mẹ già và hai con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm

bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin rút nội dung kháng cáo về xin giảm nhẹ hình phạt và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Yêu cầu rút một phần kháng cáo của bị cáo là hợp pháp nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như lời khai tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo khác và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận do có nhu cầu làm bằng tốt nghiệp trung học phổ thông giả để đi xin việc trong công ty nên ngày 17/9/2022 Nguyễn Thị Nguyệt Y gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T nhờ T làm cho Y 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông giả. T sử dụng điện thoại liên lạc qua mạng xã hội Zalo với một người không biết tên tuổi, địa chỉ đặt và làm cho Y 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông giả với giá 1.500.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 15 phút ngày 23/9/2022, sau khi T nhận và cầm gói bao bì bên trong có 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông giả mang tên Nguyễn Thị Nguyệt Y từ Bưu điện xã B, huyện A đi ra cổng Bưu điện thì bị Công an huyện A phát hiện bắt giữ người cùng tang vật.

[4] Với hành vi nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mức hình phạt 11 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống ở ngoài cộng đồng xã hội để chấp hành hình phạt tù tại Trại giam là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T chỉ được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm tài liệu mới thể hiện bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền án phí theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bị cáo đã ly hôn vợ và là lao động chính duy nhất nuôi bố mẹ già, cùng hai con còn nhỏ có xác nhận của chính

quyền địa phương, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Thấy rằng, bị cáo phạm tội vì nể nang, không vì động cơ vụ lợi; được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, một mình phải nuôi bố mẹ già và hai con nhỏ; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; từ khi bị cáo được áp dụng biện pháp tại ngoại cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay thì luôn chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật và của địa phương nên hành vi phạm tội đáng được khoan hồng. Tuy bị cáo đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích và thời gian xóa án tích đã lâu; tội phạm mà bị cáo thực hiện là tội ít nghiêm trọng và bị cáo không phải là người trực tiếp làm ra giấy tờ giả nên có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn trên địa bàn, không ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam như đề nghị của Viện kiểm sát mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục như ý kiến bào chữa của Luật sư là đủ tác dụng để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm và tiếp tục được lao động chăm lo cho gia đình.

Từ những phân tích lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc về biện pháp chấp hành hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 11 (Mười một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện A;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu hồ sơ; Toà hình sự, HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Danh